

HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thị Chính, Ths. Phan Anh Tuấn

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: chinhntbh@neu.edu.vn

Bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta bắt đầu được triển khai từ năm 1982, nhưng hoạt động này vẫn chưa phát triển. Tỷ trọng tham gia bảo hiểm nông nghiệp thấp, chỉ chiếm chưa đến 3% tổng diện tích cây trồng, vật nuôi thuộc đối tượng bảo hiểm. Để kích thích sự phát triển của bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta, cũng như khẳng định tầm quan trọng của bảo hiểm nông nghiệp đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp và nền kinh tế, ngày 01/03/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011- 2013. Bài viết này nhằm xem xét, đánh giá thực trạng triển khai bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta từ sau Quyết định 315/QĐ-TTg, tìm ra những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Sản xuất nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm nông nghiệp truyền thống, bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số.

1. Vài nét về hoạt động sản xuất nông nghiệp và bảo hiểm nông nghiệp

Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, cung cấp những sản phẩm thiết yếu nhất cho cuộc sống của con người. Hoạt động sản xuất nông nghiệp cũng đóng góp quan trọng vào GDP của quốc gia thông qua hoạt động xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Hoạt động sản xuất nông nghiệp được diễn ra chủ yếu ở ngoài trời, trên phạm vi rộng cho nên bị ảnh hưởng rất lớn của điều kiện tự nhiên như: khí hậu, thổ nhưỡng,... và thường xuyên gặp các rủi ro như: thiên tai, dịch bệnh,... Những rủi ro này có thể gây tổn thất lớn về tài sản của người nông dân, làm cho cuộc sống của họ bị ảnh hưởng, đặc biệt là đối với những người thuần nông hoặc nông dân nghèo.

Ở Việt Nam, nông nghiệp là một ngành sản xuất rất quan trọng, là kế sinh nhai của đa số người dân lao động. Chỉ tính riêng năm 2012, nông nghiệp đã đóng góp 20,6% GDP; xuất khẩu các mặt hàng nông sản thu về 18.680 triệu USD; thu hút trên 21 triệu lao động tham gia; sử dụng trên 25 triệu héc ta đất, chiếm 74% diện tích tự nhiên của cả nước. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất nông nghiệp ở nước ta phải đối mặt với rất nhiều rủi ro: thiên tai, dịch bệnh, thị trường, nguồn lực và rủi ro xã hội... Những rủi

ro này, đặc biệt là rủi ro thiên tai, dịch bệnh đã phá hủy rất nhiều tài sản và thành quả lao động của người nông dân, làm gia tăng sự phân hóa giàu nghèo, cản trở sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện sẽ giúp người nông dân chủ động khắc phục khó khăn về tài chính khi thiên tai, dịch bệnh... xảy ra, giúp họ bảo vệ quá trình sản xuất nông nghiệp, ổn định cuộc sống từ đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời là chỗ dựa tâm lý vững chắc cho người nông dân để họ yên tâm, mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, góp phần đa dạng hóa các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho cuộc sống của con người.

Bảo hiểm nông nghiệp có thể được thực hiện theo hai hình thức bảo hiểm, đó là: bảo hiểm nông nghiệp truyền thống và bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số.

Trong đó, bảo hiểm nông nghiệp truyền thống là hình thức bảo hiểm mà số tiền bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm được xác định dựa trên thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm phải gánh chịu khi xảy ra rủi ro. Hình thức bảo hiểm này được chia làm ba loại là bảo hiểm theo thiệt hại, theo năng suất và theo doanh thu. Hình thức bảo hiểm nông nghiệp truyền thống có ưu điểm là: mức bồi thường bám sát mức độ thiệt hại của người tham gia bảo hiểm và đây là hình thức bảo hiểm quen thuộc đối với cả

doanh nghiệp và người tham gia bảo hiểm, do đó việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp theo hình thức này tương đối dễ dàng. Tuy nhiên, hình thức bảo hiểm này cũng có một số nhược điểm: quá trình giám định tổn thất của từng người tham gia bảo hiểm là rất phức tạp, tốn kém nhiều thời gian và chi phí; đòi hỏi doanh nghiệp bảo hiểm phải xác định được số liệu thống kê về năng suất, chi phí, doanh thu... trung bình của từng loại đối tượng bảo hiểm nhiều năm trước của từng người tham gia bảo hiểm - đây là một hoạt động rất phức tạp, khó có thể thực hiện được; hình thức bảo hiểm này chỉ thu hút được những hộ nông dân có khả năng gặp rủi ro cao (hộ nghèo hoặc những nơi có điều kiện không thuận lợi...), ít hấp dẫn đối với những hộ tích cực áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro; đồng thời, hình thức bảo hiểm này dễ dẫn đến tình trạng trục lợi bảo hiểm, do không thể tránh khỏi những rủi ro đạo đức của người tham gia bảo hiểm như khai báo không trung thực mức độ thiệt hại, coi nhẹ trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây trồng, vật nuôi sau khi mua bảo hiểm...

Đối với bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số, đây là loại hình bảo hiểm bồi thường dựa vào giá trị của một chỉ số tương quan với thiệt hại mà không dựa vào mức độ thiệt hại thực tế xảy ra. Chỉ số ở đây là một biến số có mối quan hệ chặt chẽ với mức độ thiệt hại, mang tính khách quan chứ không bị ảnh hưởng bởi chủ quan của người tham gia bảo hiểm. Đó có thể là chỉ số về lượng mưa, nhiệt độ, năng suất cây trồng của toàn vùng, hay mực nước của dòng sông... Hình thức bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số có một số ưu điểm là: doanh nghiệp bảo hiểm tiết kiệm được công sức và thời gian trong việc tính phí bảo hiểm cũng như công tác giám định tổn thất dẫn đến chi phí quản lý giảm, từ đó phí bảo hiểm giảm; bảo đảm được tính khách quan, minh bạch trong việc xác định số tiền bồi thường do chỉ số bảo hiểm là khách quan; với mỗi chỉ số, chỉ bảo hiểm cho duy nhất một rủi ro và sự xuất hiện rủi ro cũng được định hình sẵn nên hầu hết các đối tượng bảo hiểm đều có rủi ro như nhau, cho nên quá trình xét duyệt bồi thường rất thuận tiện, nhanh chóng, ít gây phiền hà cho người tham gia bảo hiểm. Tuy nhiên, bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số cũng có một số nhược điểm, đó là: mức bồi thường có thể không sát với thực tế, vì số tiền bồi thường không xác định theo thiệt hại thực tế mà xác định theo chỉ số bảo hiểm; phạm vi áp dụng hình thức bảo hiểm này hạn chế, do chỉ thực hiện được khi có mối tương quan chặt chẽ giữa chỉ số với mức độ thiệt hại gây ra và có hệ thống số liệu đầy đủ, chính xác, rõ ràng; chỉ thích hợp với những rủi ro tương quan và không

thích hợp với những rủi ro độc lập; chi phí thực hiện ban đầu theo hình thức bảo hiểm này thường ở mức cao do phải đầu tư nhiều công sức, tiền bạc cho công tác nghiên cứu để có được chỉ số chính xác, cũng như nghiên cứu để xác định phí bảo hiểm, mặt khác đây là hình thức bảo hiểm mới nên mất nhiều chi phí cho công tác tuyên truyền, giải thích cho người tham gia bảo hiểm.

Bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số là một cách tiếp cận mới trong bảo hiểm nông nghiệp, có bản chất và kỹ thuật hoạt động khác hẳn với phương thức bảo hiểm nông nghiệp truyền thống. Hai loại hình bảo hiểm nông nghiệp truyền thống và bảo hiểm nông nghiệp theo chỉ số không mâu thuẫn hay loại trừ nhau mà có thể bổ sung các nhược điểm cho nhau. Việc lựa chọn theo hình thức bảo hiểm nào, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể của mỗi nước trong từng thời kỳ.

2. Đánh giá thực trạng hoạt động bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam

Bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam đã được triển khai từ những năm 1980, với sự tham gia của hai doanh nghiệp bảo hiểm là Bảo Việt và Groupama. Hình thức bảo hiểm chủ yếu là bảo hiểm nông nghiệp truyền thống. Thực tế cho thấy, kết quả triển khai bảo hiểm nông nghiệp của Việt Nam ở giai đoạn này rất hạn chế, doanh nghiệp bảo hiểm thường xuyên bị thua lỗ. Do đó, có thể nói, ở giai đoạn này bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam hoàn toàn không có sự phát triển.

Một thời gian dài, bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta hoạt động trì trệ, nhưng với lợi ích của bảo hiểm mang lại đối với một nước sản xuất nông nghiệp nhiều rủi ro như Việt Nam thì việc phát triển bảo hiểm nông nghiệp là vô cùng cần thiết. Chính vì vậy, ngày 01/03/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011- 2013 tại 21 tỉnh, thành phố trong phạm vi cả nước. Thực hiện quyết định này, các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam đã tiếp tục triển khai bảo hiểm nông nghiệp với các sản phẩm bảo hiểm chủ yếu như: bảo hiểm cho cây lúa; trâu, bò, lợn, gia cầm; bảo hiểm cho nuôi trồng thủy sản cá tra, cá ba sa, tôm sú... trong các trường hợp gặp phải rủi ro thiên tai, dịch bệnh như: bão, lũ lụt, hạn hán, rét đậm, rét hại, sương giá; rủi ro dịch bệnh: dịch cúm, dịch tai xanh, lở mồm, long móng, bệnh thủy sản, dịch rầy nâu, vàng lùn, xoắn lá và thiên tai, dịch bệnh khác. Quyết định 315/QĐ- TTg có hiệu lực từ ngày 01/07/2011.

Để triển khai thành công bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/QĐ -

TTg, Nhà nước tiến hành hỗ trợ phí bảo hiểm đối với người nông dân tham gia bảo hiểm; hỗ trợ chi phí quản lý và tái bảo hiểm cho doanh nghiệp bảo hiểm. Sự hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện ở cấp Trung ương và địa phương nơi thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp. Cụ thể là: Nhà nước hỗ trợ phí bảo hiểm đối với các hộ nông dân tham gia bảo hiểm theo các mức: 100% đối với hộ nghèo; 80% đối với hộ cận nghèo; 60% đối với hộ không thuộc diện nghèo hay cận nghèo; và 20% đối với các tổ chức sản xuất nông nghiệp. Việc hỗ trợ phí bảo hiểm của Nhà nước được thực hiện thông qua doanh nghiệp bảo hiểm khi doanh nghiệp bảo hiểm cấp đơn và thu phí bảo hiểm.

Theo chỉ định của Bộ Tài chính, hiện có hai doanh nghiệp bảo hiểm gốc triển khai bảo hiểm nông nghiệp là Bảo Việt và Bảo Minh. Tính đến ngày 30/09/2012, sau hơn một năm triển khai bảo hiểm nông nghiệp, hai doanh nghiệp này đã đạt được một số kết quả:

- Tại Bảo Việt, đã triển khai bảo hiểm cho cây lúa với tổng diện tích là 17.334 hecta, tổng giá trị bảo hiểm là 1.538 tỷ đồng và doanh thu phí đạt 25,66 tỷ đồng. Bảo hiểm vật nuôi đã triển khai tới 3.236 hộ nông dân, với tổng giá trị bảo hiểm là 127,74 tỷ đồng, thu được hơn 6 tỷ đồng phí bảo hiểm. Đối với thủy sản là cá tra, cá basa, tôm... Bảo Việt đã triển khai bảo hiểm cho 2.509 héc ta mặt nước, tổng giá trị là 837 tỷ đồng, doanh thu phí bảo hiểm đạt 66,1 tỷ đồng.

Sau hơn một năm triển khai thí điểm, Bảo Việt đã phát sinh trách nhiệm bồi thường gần 21 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ bồi thường là 21,43%). Tuy nhiên, Bảo Việt chỉ mới thực chi bồi thường 10,7 tỷ

đồng.

- Tại Bảo Minh, việc triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp cũng đã thu được những kết quả nhất định, doanh thu phí bảo hiểm đạt gần 30 tỷ đồng, phát sinh trách nhiệm bồi thường 14,5 tỷ đồng (tỷ lệ bồi thường 49,77%), đã thực chi bồi thường là 8,8 tỷ đồng.

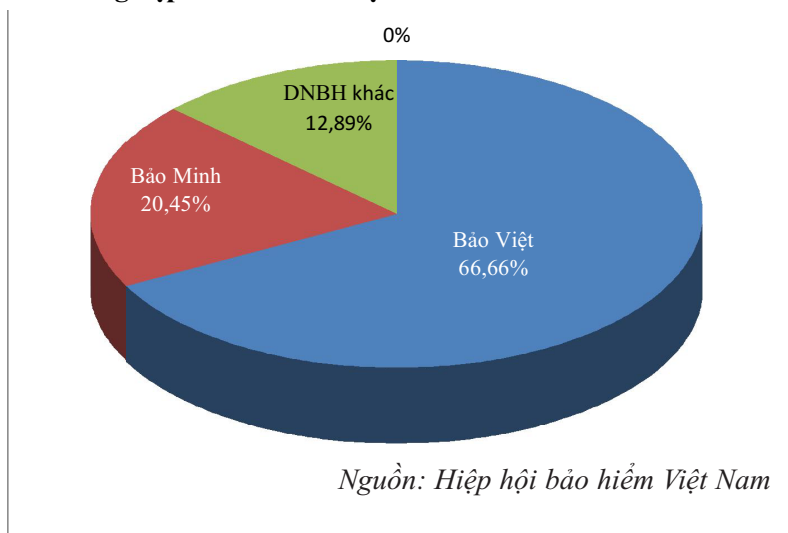
Trên thị trường hiện nay, ngoài hai doanh nghiệp bảo hiểm được chỉ định bắt buộc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp như trên, còn có một số doanh nghiệp bảo hiểm khác như: ABIC, GIC, Vass, PVI cũng đang triển khai nghiệp vụ bảo hiểm này. Thực chất, đây là các doanh nghiệp đã triển khai bảo hiểm nông nghiệp từ trước ngày 01/03/2011 (tức là trước khi có Quyết định 315/QĐ-TTg). Tuy nhiên, kết quả hoạt động của các doanh nghiệp này còn rất hạn chế. Tính đến ngày 30/09/2012, tổng doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp toàn thị trường gần 146,66 tỷ đồng, trong đó đóng góp của Bảo Việt là 97,76 tỷ đồng (66,66%), của Bảo Minh là 30 tỷ đồng (20,45%) và của bốn doanh nghiệp còn lại 18,9 tỷ đồng (12,89%). Như vậy, có thể thấy thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay vẫn chủ yếu là của Bảo Việt và Bảo Minh, các doanh nghiệp bảo hiểm khác còn ở mức rất khiêm tốn.

Mặc dù việc thực hiện bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam đã đạt được những kết quả nêu trên, song vẫn còn một số hạn chế làm cho thị trường bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta chưa phát triển. Cụ thể là:

Thứ nhất: Cho đến nay, tỷ lệ đối tượng tham gia bảo hiểm mới chỉ là 3% so với tổng số đối tượng tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp. Điều này cho thấy, tỷ lệ người dân biết đến bảo hiểm nông nghiệp còn quá ít so với tiềm năng. Mặt khác, việc tham gia bảo hiểm lại chủ yếu tập trung ở các hộ nông dân nghèo (khoảng 88%), chưa thu hút được sự tham gia bảo hiểm của các hộ nông dân có năng lực tài chính vững mạnh.

Thứ hai: Số tỉnh, thành trong phạm vi cả nước được triển khai bảo hiểm nông nghiệp còn hạn chế. Theo Quyết định 315/QĐ-TTg, chỉ mới có 21/63 tỉnh thành trên phạm vi cả nước được triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp; trong đó, có một số tỉnh, thành triển khai còn quá muộn so với yêu cầu đặt ra như Hà Nội, Bắc Ninh, Bình Dương... làm cho kết quả thực hiện bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta bị ảnh hưởng.

Biểu đồ 1: Thị phần bảo hiểm nông nghiệp của các doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam tính đến 30/09/2012



Thứ ba: Diện tích cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy sản được bảo hiểm còn ít: mới chỉ bảo hiểm được 24.792 héc ta diện tích gieo trồng lúa; 3.552 héc ta diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản và 167.733 con vật nuôi. Trong khi chỉ tính riêng 9 tháng đầu năm 2012, diện tích gieo trồng lúa trong phạm vi cả nước là 7,75 triệu hecta; diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản là 657,8 nghìn héc ta và số vật nuôi là 345,4 triệu con¹.

Thứ tư: Các doanh nghiệp bảo hiểm trên thị trường vẫn chưa mặn mà với việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Ngoài hai doanh nghiệp bảo hiểm là Bảo Việt và Bảo Minh được Bộ tài chính chỉ định và một số doanh nghiệp đã triển khai từ trước thì vẫn chưa có doanh nghiệp bảo hiểm mới nào “đám” triển khai nghiệp vụ bảo hiểm này.

Thứ năm: Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam có mức độ rủi ro cao làm cho việc quản lý rủi ro gặp rất nhiều khó khăn, hiện tượng trượt lợi bảo hiểm xảy ra khá phổ biến... Đây là một trong những lý do làm cho các doanh nghiệp bảo hiểm bị thua lỗ, đồng thời, hoạt động tái bảo hiểm của nghiệp vụ cũng gặp khó khăn, đặc biệt là tái ra nước ngoài. Hiện tại, chỉ mới có duy nhất một doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài là Swiss Re tham gia nhận tái cho bảo hiểm nông nghiệp ở nước ta.

Các hạn chế trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nhận thức của người nông dân về quản lý rủi ro và bảo hiểm còn thấp, họ chưa có thói quen tham gia bảo hiểm. Mặt khác, do tâm lý ỷ lại vào cơ chế hỗ trợ tài chính từ phía Nhà nước, nên người nông dân vẫn không muốn chủ động đóng phí để tham gia bảo hiểm.

- Thu nhập của họ hầu hết còn rất thấp nên khả năng tài chính để tự tham gia bảo hiểm nông nghiệp bị hạn chế. Mặc dù nhiều hộ nông dân tham gia bảo hiểm đã được hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ phí từ Chính phủ, song trong số đó, không phải tất cả các hộ đều có khả năng để đóng nốt phần phí còn lại không được hỗ trợ.

- Sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam chủ yếu là sản xuất nhỏ, phân tán, dựa vào kinh nghiệm, nguồn lao động chưa qua đào tạo, thiếu năng lực quản lý kinh doanh, làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc tiếp nhận khoa học kỹ thuật hay thay đổi quy trình canh tác... Do đó, hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ không đáp ứng được các yêu cầu của việc tham gia bảo hiểm nông nghiệp.

- Sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp còn đơn điệu, phạm vi được bảo hiểm hẹp, chỉ có một số đối tượng nhất định mới được bảo hiểm vì thế khó kích thích

nhu cầu bảo hiểm của người nông dân. Đồng thời, trong quá trình phân phối sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, các doanh nghiệp bảo hiểm còn chưa tính đến nhu cầu thực tiễn của vùng miền, dẫn đến tình trạng cung cầu không tương thích.

- Các doanh nghiệp bảo hiểm chưa có nguồn nhân lực sẵn sàng để thực hiện bảo hiểm nông nghiệp và cũng như chưa xây dựng được một cơ chế hợp tác chặt chẽ, thường xuyên, liên tục giữa doanh nghiệp bảo hiểm với chính quyền địa phương và các bên liên quan.

- Công tác giám định, giải quyết bồi thường gặp nhiều khó khăn trong khi tái bảo hiểm cho bảo hiểm nông nghiệp trong nước chưa phát triển đủ mạnh, bên cạnh đó các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài không mặn mà do mức độ rủi ro cao.

- Đặc biệt, Chính phủ chưa có sự hỗ trợ về kinh phí hoạt động quảng bá, tuyên truyền, thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho các địa phương. Vì thế làm cho chính quyền địa phương nơi thực hiện bảo hiểm nông nghiệp không hào hứng, tích cực triển khai.

Từ những nguyên nhân trên mà bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam chủ yếu vẫn còn đang ở dạng tiềm năng, chưa phát triển. Trong những năm tiếp theo, nhu cầu phát triển bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam là tất yếu, vì thế cần thiết phải có các giải pháp để thực hiện được điều này.

3. Giải pháp phát triển bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam

Để đạt được mục tiêu phát triển bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới, biến thị trường bảo hiểm nông nghiệp đang ở dạng tiềm năng trở thành hiện thực, cần chú trọng thực hiện một số giải pháp sau:

Một là: Tăng cường công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật và vai trò của bảo hiểm nông nghiệp đối với người nông dân. Việc tuyên truyền cần được thực hiện đơn giản, dễ hiểu, thiết thực và gần gũi với nhu cầu cụ thể của địa phương. Công tác tuyên truyền phải được thực hiện bởi Nhà nước, các cơ quan liên quan (Hiệp hội bảo hiểm, Hội nông dân...) và cả doanh nghiệp bảo hiểm thông qua các công cụ truyền thông như đài phát thanh, truyền hình, báo chí... Cần lồng ghép nội dung về bảo hiểm nông nghiệp với các chuyên mục liên quan đến nông nghiệp, nông thôn được người nông dân quan tâm như “Bạn nhà nông”, “Nông thôn mới” hay “Cùng nông dân bàn cách làm giàu”... Hoặc tuyên truyền thông qua các cộng tác viên là thành viên của hội nông dân, đoàn viên thanh niên... ở chính địa phương triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Những đối

tượng này sẽ có nhiều lợi thế trong khi tiếp cận cũng như phổ biến kiến thức về bảo hiểm, pháp luật cho những hội viên hội nông dân khác. Việc tuyên truyền, phổ biến chính sách và lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp nên được thực hiện thường xuyên, kịp thời và trước mỗi mùa vụ. Có thể lấy thực tiễn từ những hộ sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm bị tổn thất đã được bồi thường để làm minh chứng cụ thể cho lợi ích của bảo hiểm nông nghiệp.

Hai là: Phải lựa chọn hình thức bảo hiểm và các loại cây trồng vật nuôi tham gia bảo hiểm phù hợp. Trước mắt Việt Nam chỉ nên áp dụng hình thức bảo hiểm truyền thống do đây là hình thức bảo hiểm quen thuộc đối với cả doanh nghiệp và người tham gia bảo hiểm. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bảo hiểm cần đồng thời tiến hành thu thập, thông kê các chỉ số về thời tiết, năng suất... để xây dựng được mối quan hệ giữa chỉ số khách quan với đối tượng được bảo hiểm, làm cơ sở cho việc triển khai bảo hiểm theo chỉ số sau này. Còn đối với đối tượng được bảo hiểm trước hết phải là các cây, con chủ lực trong sản xuất nông nghiệp, sau đó mở rộng thêm các đối tượng khác.

Ba là: Các doanh nghiệp bảo hiểm phải phối hợp với các cấp chính quyền, đoàn thể trong toàn bộ quá trình triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Cụ thể là phối hợp với các cơ quan chuyên môn về nông nghiệp để họ chuyển giao, trợ giúp, giám sát người dân thực hiện quy trình kỹ thuật nhằm hạn chế tổn thất có thể xảy ra; đồng thời, giúp nông dân tiêu thụ, chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Phối hợp với các cơ quan quản lý thị trường, thường xuyên nắm bắt giá cả các mặt hàng nông sản là đối tượng được bảo hiểm để định giá đúng giá trị của đối tượng khi ký kết hợp đồng bảo hiểm hay khi tiến hành bồi thường cho người nông dân. Mặt khác, doanh nghiệp bảo hiểm cần có ý kiến với các cơ quan như: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tìm ra tiếng nói chung nhằm hoàn thiện chính sách về bảo hiểm nông nghiệp.

Bốn là: Thiết kế sản phẩm bảo hiểm phải đơn giản, đa dạng, phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp ở từng vùng miền. Ngoài các sản phẩm bảo hiểm hướng đến đối tượng nghèo và cận nghèo, các doanh nghiệp bảo hiểm phải có những sản phẩm bảo hiểm hướng đến đối tượng là những hộ sản xuất lớn... qua đó tạo điều kiện để các hộ nông dân tự nguyện tham gia. Bên cạnh việc thiết kế các sản phẩm bảo hiểm thuận lợi cho người nông dân, các doanh nghiệp bảo hiểm cần tích cực đàm phán với các doanh nghiệp tái bảo hiểm trong và ngoài nước

về các điều kiện nhượng tái, nhận tái bảo hiểm nông nghiệp để có thể phân tán các rủi ro nhận bảo hiểm.

Phạm vi bảo hiểm nông nghiệp cần mở rộng để đảm bảo quyền lợi cho người nông dân tham gia bảo hiểm. Cụ thể, cần bổ sung thêm một số rủi ro thiên tai khi triển khai bảo hiểm nông nghiệp, như: bảo hiểm thiệt hại do giông tố, lốc xoáy, nắng nóng kéo dài gây ra; đối với hoa màu, cần bổ sung thêm bệnh đạo ôn; đối với vật nuôi, bổ sung thêm rủi ro bảo hiểm tụ huyết trùng, nhiệt thán, dịch tả, đóng dấu, thương hàn, bệnh Newcatstle, Gumboro, ấu trùng; đối với cây lúa cần mở rộng phạm vi bảo hiểm khi cây lúa bị đổ, gãy, chết do mưa gió lớn bất thường; nghiên cứu đưa rủi ro chuột cắn phá vào trong phạm vi được bảo hiểm... Ngoài việc mở rộng phạm vi bảo hiểm, cần mở rộng thêm quy mô số huyện, xã triển khai bảo hiểm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu của người nông dân, vì trên thực tế, nhiều nơi người nông dân muốn tự nguyện mua bảo hiểm nông nghiệp nhưng chưa thuộc diện thí điểm nên cũng không được tham gia.

Năm là: Đào tạo nguồn nhân lực thực hiện bảo hiểm nông nghiệp. Doanh nghiệp bảo hiểm cần chủ động xây dựng đội ngũ am hiểu về bảo hiểm và nông nghiệp thông qua các khóa đào tạo ngắn hạn ký kết với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc các trường đại học đào tạo về nông nghiệp. Hoặc doanh nghiệp bảo hiểm tuyển dụng nhận viên được đào tạo tại các trường nông nghiệp và đào tạo thêm cho họ các kiến thức về nghiệp vụ bảo hiểm.

Tại mỗi khu vực triển khai bảo hiểm nông nghiệp (mỗi tỉnh hoặc các tỉnh có điều kiện tự nhiên gần giống nhau), doanh nghiệp cần tổ chức một bộ phận quản lý rủi ro, giám định tổn thất hoặc liên kết với các tổ chức nông nghiệp địa phương để tiến hành quản lý rủi ro, giám sát quy trình sản xuất, đưa ra các tư vấn và hỗ trợ nông dân trong công tác đề phòng rủi ro, hạn chế tổn thất và giám định khi có thiệt hại xảy ra.

Sáu là: Hội nông dân cần có vai trò tích cực và chủ động đối với việc phát triển bảo hiểm nông nghiệp; vận động bà con nông dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp; giải thích để người nông dân thấy rõ được lợi ích cũng như trách nhiệm của họ khi tham gia bảo hiểm và không nên có những hành vi trục lợi bảo hiểm. Cùng với chính quyền địa phương, Hội nông dân cần xác định rõ đối tượng tham gia bảo hiểm là tổ chức sản xuất nông nghiệp hay là hộ nông dân sản xuất lớn để xác định đối tượng tham gia bảo hiểm cho phù hợp. Khuyến khích các mô hình bảo hiểm tương hỗ hay cơ chế tự bảo hiểm đối với một số loại rủi ro trong các hội

viên của Hội Nông dân. Theo mô hình này, người tham gia bảo hiểm cũng chính là người bảo hiểm, nhờ đó góp phần làm giảm các khoản chi phí, thu hút những đối tượng thực sự có nhu cầu tham gia bảo hiểm, đồng thời đảm bảo tính công bằng trong việc đóng phí cũng như bồi thường tổn thất. Theo cách làm này, những người tham gia hoạt động trong một lĩnh vực, ngành nghề và có chung một loại rủi ro (như các nhà vườn trồng cây ăn quả...) có thể cùng nhau thành lập và quản lý những tổ chức bảo hiểm tương hỗ. Mô hình này có thể vận dụng hiệu quả trong các hợp tác xã.

Bảy là: Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, đại diện cho các doanh nghiệp bảo hiểm trong đó có các doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai bảo hiểm nông nghiệp, phải nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động bảo hiểm nông nghiệp; từ đó kiến nghị lên Chính phủ các vướng mắc, tồn tại phát sinh trong quá trình thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, hướng đến hoàn thiện môi trường pháp lý về bảo hiểm nói chung và bảo hiểm nông nghiệp nói riêng. Đồng thời, cùng với các doanh nghiệp bảo hiểm tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm triển khai bảo hiểm nông nghiệp trên thế giới và tìm kiếm mô hình phù hợp nhất đối với điều kiện thực tế ở Việt Nam. Sau đó đồng hành cùng với các doanh nghiệp triển khai thực tiễn, rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm đó cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

Tám là: Nâng cao vai trò thể chế của Nhà nước trong việc triển khai bảo hiểm nông nghiệp. Trước hết, Nhà nước cần thể hiện vai trò chủ đạo trong công tác tuyên truyền chính sách bảo hiểm nông nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm thực

hiện bảo hiểm nông nghiệp thông qua việc: hỗ trợ thuế, kinh phí tuyên truyền... Đồng thời, Nhà nước cũng hỗ trợ kinh phí thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho các địa phương, đây sẽ là động lực giúp họ triển khai bảo hiểm nông nghiệp ở địa phương triệt để hơn.

Nhà nước cần có quy định yêu cầu các ngân hàng cũng như các tổ chức tín dụng phối hợp cùng các doanh nghiệp bảo hiểm thúc đẩy bảo hiểm nông nghiệp bằng cách có mức lãi suất khuyến khích người nông dân vay vốn sản xuất nông nghiệp tham gia mua bảo hiểm. Đặc biệt, trước tình hình thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra, ngân hàng và các tổ chức tín dụng có thể bắt buộc người nông dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp mới cho vay vốn. Nhà nước phải đóng vai trò là người bảo hiểm cuối cùng để bảo vệ nông dân trước mọi thảm họa, rủi ro bằng cách dùng một phần từ nguồn thu ngân sách nhà nước hỗ trợ người dân khi tham gia bảo hiểm (hỗ trợ phí bảo hiểm) và hỗ trợ doanh nghiệp triển khai bảo hiểm (hỗ trợ thuế doanh nghiệp).

Ngoài những giải pháp nêu trên, Chính Phủ cũng cần có định hướng phát triển bảo hiểm nông nghiệp trong những năm tiếp theo. Hiện nay, Bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam đang được thực hiện thông qua “Đề án thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011- 2013”, khi kết thúc thực hiện đề án vào cuối năm 2013, cần phải có sự đánh giá ngay và có kết luận về kết quả thực hiện đề án, làm cơ sở nghiên cứu và xây dựng khung khổ pháp lý, tiến tới chính thức triển khai bảo hiểm nông nghiệp rộng rãi trên phạm vi cả nước. Có như vậy, bảo hiểm nông nghiệp ở Việt Nam mới phát huy hết vai trò và phát triển bền vững trong thời gian tới. □

1. Báo cáo tình hình sản xuất nông nghiệp quý III và 9 tháng đầu năm 2012- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Định, (2008), *Giáo trình bảo hiểm*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Nguyễn Tuấn Sơn, (2008), *Nghiên cứu vận dụng phương pháp chi số trong bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và phát triển 2008: tập VI.
3. Nguyễn Mậu Dũng, (2011), *Bảo hiểm nông nghiệp trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam*, Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới số 8/2011.
4. Nguyễn Đình Chính, (2011), *Nghiên cứu chính sách bảo hiểm sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam*.
5. Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT, (2009), *Tầm nhìn chính sách bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam*.
6. Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, (2012), *Báo cáo Sơ kết 9 tháng thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định 315/2011/QĐ-TT*.
7. Bảo Việt, (2012), *Báo cáo tình hình dự án bảo hiểm nông nghiệp*.
8. Tạp chí thị trường bảo hiểm - Tái bảo hiểm Việt Nam, (2009 - 2011).
9. Government of Indian Planning Commission, (2007), *Report of “The working group on risk management in agriculture” for the eleventh five year plan (2007 - 2012)*.